

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
**CÔNG TY CP THAN CỘC SÁU - VINACOMIN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 364 /TCS-VP

Cẩm Phả, ngày 19 tháng 01 năm 2023

V/v Công bố thông tin về biện pháp và lộ trình  
khắc phục tình trạng chứng khoán bị kiểm soát

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

- Mã chứng khoán: TC6

- Địa chỉ: Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 0203 3862062

Pax: 0203 3863936

- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Trung Thành

2. Nội dung thông tin công bố:

Công văn số 365/TCS-KTTC ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin về việc báo cáo biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng chứng khoán bị kiểm soát (theo Quyết định số 765/QĐ-SGDCKHN ngày 27/10/2022 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

3. Thông tin này được đăng tải trên trang thông tin điện tử Công ty vào ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại địa chỉ Website: [www.cocsau.com](http://www.cocsau.com), mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, VP (Th03).

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
THỦ KÝ CÔNG TY



Nguyễn Trung Thành

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CP THAN CỘC SÁU - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 365 /TCS-KTTC

Cám Phả, ngày 19 tháng 01 năm 2023

V/v Báo cáo biện pháp và lộ trình khắc phục  
tình trạng chứng khoán bị kiểm soát

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin (MCK: TC6) xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác, quan tâm giúp đỡ của Quý cơ quan trong thời gian qua.

Thực hiện Quyết định số 765/QĐ-SGDCKHN ngày 27/10/2022 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội V/v đưa cổ phiếu TC6 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin vào diện bị kiểm soát kể từ ngày 01/11/2022 do Vốn chủ sở hữu âm tính trên báo cáo tài chính quý 3 năm 2022. Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xin báo cáo giải trình, biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng chứng khoán bị kiểm soát như sau:

Tiếp theo báo cáo giải trình tại các Công văn sau: (1) Công văn số 4667/TCS-KTTC ngày 20/10/2022; (2) Công văn số 4874/TCS-KTTC ngày 07/11/2022; (3) Công văn số 363/TCS-KTTC ngày 19/01/2023 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty tiếp tục báo cáo biện pháp và lộ trình như sau:

**1. Biện pháp khắc phục:** Trong quý IV năm 2022, Công ty đã tập trung triển khai các biện pháp khắc phục tình trạng chứng khoán TC6 bị kiểm soát như: Tập trung cao độ đẩy mạnh sản xuất, khai thác và tiêu thụ than, huy động tối đa thiết bị ra sản xuất trong những ngày thời tiết thuận lợi để nâng cao hiệu quả sản xuất; tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị chi phí... cải thiện tình hình tài chính; báo cáo và đề nghị Tập đoàn TKV điều chỉnh kế hoạch sản lượng và chi phí năm 2022 cho Công ty phù hợp với điều kiện đặc thù khai thác xuống sâu của mỏ.

Với những biện pháp đã được triển khai quyết liệt và đồng bộ trong sản xuất kinh doanh nêu trên. Kết quả sản xuất kinh doanh quý IV năm 2022, Công ty đảm bảo và bảo toàn vốn chủ sở hữu, với số liệu cụ thể như sau:

- Vốn chủ sở hữu Quý III năm 2022: Âm 17.564.696.048 đồng
- Vốn chủ sở hữu Quý IV năm 2022: 330.799.009.014 đồng

## 2. Lộ trình khắc phục

- Với những biện pháp đang được triển khai quyết liệt và đồng bộ, Ban điều hành Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin tin tưởng rằng TC6 sẽ khắc phục được tình trạng chứng khoán bị kiểm soát đúng như lộ trình đã công bố tại Công văn số 4874/TCS-KTTC ngày 07/11/2022 và Công ty dự kiến sẽ khắc phục được tình trạng chứng khoán TC6 khởi diện bị kiểm soát trong quý I năm 2023/hoặc 6 tháng đầu năm 2023.

- Công ty cam kết đình kỳ hàng quý sẽ gửi giải trình, báo cáo tình hình khắc phục tình trạng chứng khoán bị kiểm soát và sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình, lộ trình khắc phục tình trạng chứng khoán bị kiểm soát. Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin trân trọng báo cáo Quý cơ quan và Quý cổ đông.

Trân trọng cảm ơn!

### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KTTC (Ng.H04).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thuận

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

DVT: Đồng

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	T. MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>714.856.185.914</b>	<b>760.080.541.539</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.617.937.299</b>	<b>1.163.719.564</b>
1	Tiền	111	VI.01	1.617.937.299	1.163.719.564
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>362.942.645.606</b>	<b>131.058.908.249</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03	361.201.212.599	129.203.905.642
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		437.519.873	115.500.000
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04a	1.303.913.134	1.739.502.607
7	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	VI.04a	-	-
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.05	-	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>262.839.633.979</b>	<b>552.568.076.035</b>
1	Hàng tồn kho	141	VI.07	262.839.633.979	552.568.076.035
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>87.455.969.030</b>	<b>75.289.837.691</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	83.439.366.796	66.081.239.815
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.19	4.016.602.234	9.208.597.876
5	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	155		-	-
6	Tài sản ngắn hạn khác	156	VI.14a	-	-
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>690.100.581.692</b>	<b>1.035.007.032.249</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>59.584.440.436</b>	<b>54.286.303.252</b>
6	Phải thu dài hạn khác	216	VI.04b	59.584.440.436	54.286.303.252
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>530.553.995.404</b>	<b>651.050.921.812</b>
<b>1</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>VI.9</b>	<b>530.493.658.630</b>	<b>650.910.136.006</b>
	- Nguyên giá	222		3.185.748.105.302	3.635.470.862.742
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.655.254.446.672)	(2.984.560.726.736)
2	<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	<b>VI.11</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>VI.10</b>	<b>60.336.774</b>	<b>140.785.806</b>
	- Nguyên giá	228		1.714.833.057	1.714.833.057
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.654.496.283)	(1.574.047.251)
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>VI.12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>VI.08</b>	<b>4.317.193.805</b>	<b>4.326.253.919</b>
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.317.193.805	4.326.253.919
<b>V</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>95.644.952.047</b>	<b>325.343.553.266</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	55.429.908.636	325.343.553.266
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24a	40.215.043.411	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.404.956.767.606</b>	<b>1.795.087.573.788</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	T. MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.074.157.758.592</b>	<b>1.430.001.464.500</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>914.051.597.671</b>	<b>1.170.868.097.348</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	337.980.004.006	577.131.682.417
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.19	164.994.080.664	133.814.180.774
4	Phải trả người lao động	314		8.843.200.705	53.365.807.189
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.20	62.305.234	616.375.006
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.21	11.675.578.183	12.675.459.702
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	371.033.606.546	375.807.853.571
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23	-	-
12	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		19.462.822.333	17.456.738.689
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>160.106.160.921</b>	<b>259.133.367.152</b>
7	Phải trả dài hạn khác	337	VI.21	-	-
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		156.016.898.281	253.817.325.720
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.089.262.640	5.316.041.432
13	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>330.799.009.014</b>	<b>365.086.109.288</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>330.799.009.014</b>	<b>365.086.109.288</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	VI.25	324.961.050.000	324.961.050.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		324.961.050.000	324.961.050.000
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.24e	2.040.317.377	2.040.317.377
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.797.641.637	38.084.741.911
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.377.165.078	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		420.476.559	38.084.741.911
12	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Nguồn kinh phí sự nghiệp	431	VI.28	-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.404.956.767.606</b>	<b>1.795.087.573.788</b>

Cám Phả, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hà

Trần Thị Điệp

Phạm Thanh Phương

Nguyễn Văn Thuận



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH QUÝ IV - NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	T.MI NH	QUÝ IV		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I	2	3	4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.0 1	1.207.026.146.078	1.113.511.611.029	3.240.691.312.669	2.675.815.388.106
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=1-2)	10		1.207.026.146.078	1.113.511.611.029	3.240.691.312.669	2.675.815.388.106
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.0 3	810.357.922.697	1.009.727.170.950	3.080.088.730.852	2.448.254.548.937
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20		396.668.223.381	103.784.440.079	160.602.581.817	227.560.839.169
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.0 4	448.466.967	397.413.080	1.763.701.557	1.593.710.171
7. Chi phí tài chính	22	VII.0 5	12.881.080.990	13.960.111.741	46.116.511.881	56.956.119.150
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.881.080.990	13.960.111.741	46.116.511.881	56.956.119.150
8. Chi phí bán hàng	25	VII.0 8	1.641.618.953	1.371.966.267	2.940.313.987	3.988.479.934
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.0 8	44.047.262.590	43.757.793.013	122.365.383.819	119.342.259.845
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		338.546.727.815	45.091.982.138	-9.055.926.313	48.867.690.411
11. Thu nhập khác	31	VII.0 6	5.296.732.786	274.244.014	10.457.477.478	1.176.339.711
12. Chi phí khác	32	VII.0 7	-4.352.347.521	59.804.578	673.435.147	513.422.291
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9.649.080.307	214.439.436	9.784.042.331	662.917.420
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50		348.195.808.122	45.306.421.574	728.116.018	49.530.607.831
15. Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	51	VII.1 0	40.522.682.870	11.326.981.820	40.522.682.870	11.445.865.920
16. Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại	52	VII.1 1			(40.215.043.411)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		307.673.125.252	33.979.439.754	420.476.559	38.084.741.911
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		9.468	1.046	13	1.157
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Cám Phá, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Hà



Phạm Thanh Phương



Nguyễn Văn Thuận